

XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI VÀ VAI TRÒ CỦA TOÀ ÁN TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI

Nguyễn Tiến Vinh*

Pháp lệnh Trọng tài thương mại (PLTT) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2003¹, thay thế cho các văn bản trước đây về Trọng tài kinh tế và Trung tâm trọng tài quốc tế². Dù quy định về một hình thức giải quyết tranh chấp phi Chính phủ, sự ra đời và vận hành của PLTT là một biểu hiện cụ thể, đáp ứng một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc cải cách tư pháp³. Sự ra đời của PLTT được đánh giá và đón nhận một cách hết sức tích cực, như “*một điển hình của việc xây dựng pháp luật theo hướng hội nhập*”⁴. Tuy nhiên, trải qua hơn sáu năm vận hành, PLTT cũng bộc lộ những khiếm khuyết, bất cập nhất định. Biểu hiện rõ ràng nhất là số vụ tranh chấp mà các trung tâm trọng tài được thành lập trên cơ sở PLTT thụ lý và giải quyết còn rất khiêm tốn⁵.

* Ths. Luật học, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

¹ Pháp lệnh số 08/2003/PL-UBTVQH11, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI thông qua ngày 25/2/2003, Chủ tịch nước công bố bởi Lệnh số 08/2003/L/CTN ngày 10/3/2003.

² Nghị định số 116/CP ngày 5/9/1993 của Chính phủ về Tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế; Quyết định số 204/TTg ngày 28/4/993 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam; Quyết định số 114/TTg ngày 16/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ về Mở rộng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam.

³ Xem: đoạn thứ bảy, điểm 3, phần B, mục II của Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 2/1/2002 về *Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*.

⁴ Xem: Dương Đăng Huệ, *Một điển hình của việc xây dựng pháp luật theo hướng hội nhập*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 6, năm 2003, tr.58-68.

⁵ Theo thống kê, cho đến nay có 8 trung tâm trọng tài được thành lập trên cơ sở PLTT. Năm 2004, tổng số vụ tranh chấp được giải quyết là 28 vụ. Trong đó 26 vụ do Trung tâm Trọng tài quốc tế VIAC và 2 vụ do Trung tâm Trọng tài thương mại Hà Nội giải quyết.

Để hoàn thiện pháp luật hiện hành về trọng tài, hàng loạt các vấn đề cần được nghiên cứu, cần nhắc: mô hình tổ chức trọng tài; trọng tài viên; thẩm quyền của trọng tài (TQTT); tố tụng trọng tài; hiệu lực và việc đảm bảo thi hành các phán quyết của trọng tài; thẩm quyền của Tòa án đối với trọng tài... Xuyên suốt các vấn đề nêu trên, vấn đề xác định TQTT, vai trò của Tòa án trong việc xác định TQTT có vị trí đặc biệt quan trọng. Xử lý tốt vấn đề này, một mặt đảm bảo tính độc lập của tố tụng trọng tài, cho phép phát huy tốt những ưu thế của tố tụng trọng tài, mặt khác cũng tạo ra sự hỗ trợ, giám sát tích cực của Nhà nước với phương thức giải quyết tranh chấp này.

Trong khuôn khổ của bài viết, trên cơ sở phân tích, đánh giá các quy định pháp luật hiện hành về trọng tài, sau khi có sự tham khảo lý luận và thực tiễn quốc tế về trọng tài và đặc biệt là có tham khảo, đối chiếu với các quy định trong Dự thảo Luật Trọng tài (LTT) hiện đang được soạn thảo và lấy ý kiến đóng góp⁶, chúng tôi xin bàn luận việc

Năm 2008, tổng số vụ tranh chấp được giải quyết bởi trọng tài là 58 vụ.

⁶ Ngày 23/1/2008, Ủy ban Thường vụ của Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 70/2008/UBTVQH12 về việc thành lập Ban soạn thảo Luật Trọng tài thương mại. Ngày 19 tháng 11 năm 2008 và 25 tháng 11 năm 2008, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Hội Luật gia Việt Nam tổ chức hội thảo lấy ý kiến về Dự thảo luật Trọng tài. Dự thảo Luật và các thông tin liên quan có thể tham khảo tại Website của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), mục. Sự kiện: <http://www.viac.org.vn/vi-VN/Home/default.aspx>. Hiện nay Dự thảo 6 đã có những chỉnh sửa nhất định so với phiên bản này. Để đảm bảo tính cập nhật, trong bài viết này chúng tôi sử dụng bản Dự thảo 6.

xác định TQTT và vai trò của Toà án trong việc xác định TQTT tại Việt Nam.

I. Xác định thẩm quyền của trọng tài

Việc xác định TQTT đặt ra một số vấn đề: cơ sở của TQTT (?); thời điểm và các biện pháp tố tụng, chủ thể có quyền xác định TQTT (?).

1. Cơ sở của thẩm quyền trọng tài

Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp dựa trên sự thoả thuận của các bên, do vậy TQTT phải xuất phát từ sự thoả thuận, chấp nhận của các bên, được thể hiện thông qua Thoả thuận trọng tài (TTTT). Thoả thuận này có thể là một điều khoản trong hợp đồng, hoặc là một thoả thuận riêng trong đó các bên chấp nhận giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng chính bằng trọng tài.

Như vậy, để xác định TQTT, trước hết phải xác định được sự tồn tại của TTTT. TTTT phải đáp ứng được những điều kiện nhất định. Về hình thức, pháp luật các nước đều quy định TTTT phải được lập thành văn bản. Về nội dung, vụ tranh chấp là đối tượng của TTTT phải là tranh chấp có thể giải quyết bằng trọng tài, hay thuộc lĩnh vực trọng tài. TTTT phải thể hiện được ý chí, sự tự nguyện giao kết của các bên, bao gồm việc các bên có đủ thẩm quyền giao kết, không có sự lừa dối hay cưỡng ép trong quá trình giao kết. Cuối cùng, TTTT phải có thể thực hiện được trên thực tế.

Trong quá trình xem xét TQTT, các điều ước quốc tế cũng như pháp luật và thực tiễn các quốc gia đều thừa nhận nguyên tắc về tính độc lập của TTTT với hợp đồng chính bị tranh chấp⁷. Nguyên tắc này được hiểu với những nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, hiệu lực của TTTT tồn tại độc lập với hiệu lực của hợp đồng chính. Việc hợp đồng chính vô hiệu không đương nhiên dẫn đến sự vô hiệu của TTTT.

Thứ hai, xuất phát từ nội dung nêu trên, khi một bên tranh chấp cho rằng hợp đồng chính vô hiệu thì không đồng nhất với việc bên đó phủ nhận TQTT.

Thứ ba, trong trường hợp trọng tài thương mại quốc tế (trọng tài giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế), luật áp dụng cho TTTT có thể khác với luật áp dụng cho hợp đồng chính.

2. Thời điểm, các biện pháp tố tụng và chủ thể xác định thẩm quyền trọng tài

Việc xác định TQTT có thể được đặt ra tại nhiều thời điểm khác nhau. *Trước hết*, TQTT có thể được xem xét ngoài thủ tục trọng tài, khi hội đồng trọng tài còn chưa được thành lập. Đây là trường hợp mà khi nguyên đơn khởi kiện tại Toà án, bị đơn phản đối vì cho rằng vụ tranh chấp đã có TTTT để giải quyết theo tố tụng trọng tài. *Tiếp đó*, TQTT cũng có thể được xem xét khi nguyên đơn khởi kiện tại trọng tài. Trong trường hợp này, vấn đề TQTT có thể được đặt ra ngay từ khi thành lập Hội đồng trọng tài (HĐTT), khi HĐTT chưa bắt đầu xem xét nội dung vụ kiện, hoặc trong quá trình HĐTT xem xét nội dung vụ kiện. *Cuối cùng*, TQTT cũng có thể được xem xét khi tố tụng trọng tài đã kết thúc, trọng tài đã có phán quyết giải quyết vụ kiện⁸. Trong trường hợp này, thông qua thủ tục tố tụng tư pháp, để giải quyết yêu cầu công nhận hay huỷ phán quyết trọng tài (PQTT), Toà án phải xem xét vấn đề TQTT.

Để xác định TQTT, bên cạnh nguyên tắc về tính độc lập của TTTT thì một nguyên tắc nền tảng khác cũng được thừa nhận rộng rãi là nguyên tắc trọng tài có quyền phán xét về thẩm quyền của bản thân mình khi có tranh chấp. Nguyên tắc này thường được diễn đạt bằng thuật ngữ "*thẩm quyền về thẩm quyền*",

⁷ Xem thêm: Ph. Fouchard, E. Gaillard, *Traité de l'arbitrage commercial international*, Litec, Paris, 1996, p. 213-259.

⁸ PLTT hiện hành dùng thuật ngữ Quyết định của trọng tài; Dự thảo LTT dùng thuật ngữ Phán quyết của trọng tài. Nếu không có lưu ý khác, bài viết sử dụng thuật ngữ Phán quyết của trọng tài (PQTT).

có nguồn gốc từ tiếng Đức là “Kompetenz-Kompetenz”⁹.

Pháp luật mỗi quốc gia, từng điều ước quốc tế tuy nhiên lại có sự tiếp cận và vận dụng nguyên tắc “*thẩm quyền về thẩm quyền*” ở những mức độ khác nhau, từ đó đưa đến những phương án trả lời khác nhau cho các câu hỏi: việc xác định TQTT được đặt ra vào thời điểm và thông qua thủ tục tố tụng nào (?), ai có quyền có tiếng nói và có tiếng nói cuối cùng về TQTT (?), thời điểm và giới hạn can thiệp của Tòa án trong việc xác định TQTT (?).

Nguyên tắc “*thẩm quyền về thẩm quyền*” được hiểu một cách tuyệt đối khi người ta cho rằng trọng tài là chủ thể duy nhất có quyền phán xét về thẩm quyền của chính bản thân mình. Theo đó, nếu vụ tranh chấp đã có TTTT, thì cả trước, trong và sau tố tụng trọng tài, Tòa án đều không có quyền can thiệp để xác định TQTT. Mặc dù có ý nghĩa tôn trọng quyền tự do thoả thuận của các bên đối với trọng tài - một phương thức giải quyết tranh chấp tư - nhưng cách diễn giải này lại là một sự tuyệt đối hoá quyền tự do đó. Trao cho trọng tài quyền tuyệt đối, cuối cùng trong việc xác định thẩm quyền của bản thân trọng tài, loại bỏ khả năng can thiệp, giám sát của Tòa án sẽ dẫn đến những trường hợp vi phạm vào điều cấm, lợi ích hay trật tự công cộng. Chẳng hạn, trường hợp trọng tài khẳng định thẩm quyền khi tranh chấp không thuộc lĩnh vực trọng tài, khi TTTT có được do lừa dối, cưỡng ép.

Thực tiễn ghi nhận rất hiếm trường hợp pháp luật vận dụng nguyên tắc “*thẩm quyền về thẩm quyền*” theo cách này:

Tại Đức, trước năm 1998 - thời điểm nước này chấp nhận Luật mẫu của UNCITRAL về trọng tài (UNCITRAL Model Law)¹⁰ - án lệ của Tòa án tối cao Liên

bang (Bundesgerichtshof)¹¹ thừa nhận khả năng các bên trong một quan hệ hợp đồng thương mại, thông qua TTTT có quyền trao quyền duy nhất cho trọng tài xác định TQTT. TTTT trong trường hợp này được gọi là *Điều khoản thẩm quyền về thẩm quyền (Kompetenz-Kompetenz-Klausel)*, cho đến nay không còn được chấp nhận tại Đức¹². Hiện tại theo Mục 1032 (1) Bộ luật Tố tụng Dân sự Đức (*Zivilprozessordnung - ZPO*), nếu một tranh chấp đã có TTTT được khởi kiện ra Tòa án, Tòa án có quyền xem xét ngay về hiệu lực và phạm vi của TTTT.

Tại Hoa Kỳ, án lệ của Tòa án tối cao Liên bang¹³ thừa nhận khả năng các bên thoả thuận rằng vấn đề TQTT chỉ được xác định bởi chính trọng tài. Trong trường hợp tồn tại một thoả thuận như vậy, Tòa án sẽ không có quyền can thiệp cả trước, trong và sau tố tụng trọng tài để xác định hay giám sát TQTT¹⁴.

Pháp luật của Cộng hoà Pháp lại là một trường hợp đặc biệt khác về việc hiểu và vận dụng nguyên tắc “*thẩm quyền về thẩm quyền*”: điểm đặc biệt thứ nhất thể hiện ở Điều 1458 Bộ luật Tố tụng Dân sự mới của Pháp (NCPC)¹⁵. Theo đó, khi vụ tranh chấp chưa được thụ lý bởi trọng tài, mà lại được

21/6/1985, được sửa đổi ngày 7/7/2006, Tài liệu A/40/17, annexe I, và A/61/17, annexe I.

¹¹ Judgment of May 5, 1977, Bundesgerichtshof, 68 BGHZ 356 (F.R.G.).

¹² William W. Park, *Determining an Arbitrator's Jurisdiction: Timing and Finality in American Law*, Nevada Law Journal, 2007, p. 145.

¹³ Vụ *First Options of Chicago, Inc. v. Kaplan*, 515 U.S. 938 (1995).

¹⁴ Xem thêm: Adriana Dulic, *First Options of Chicago, Inc. v. Kaplan and The Kompetenz-Kompetenz Principle*, Pepperdine Dispute Resolution Law Journal, 2002, pp. 77-97; Natasha Wyss, *First Options of Chicago, Inc. v. Kaplan: A Perilous Approach to Kompetenz-Kompetenz*, Tulane Law Review, 1997, pp. 351-378.

¹⁵ Điều 1458 nằm trong Phần các quy định về trọng tài trong nước của NCPC, tuy nhiên theo án lệ của Tòa Pháp án Pháp, cũng được áp dụng đối với trọng tài quốc tế. Xem: Cass. 1er civ, 28 juin 1989, *Eurodif c. République Islamique d'Iran*.

⁹ Thuật ngữ “Kompetenz-Kompetenz” lần lượt được diễn đạt trong tiếng Anh và tiếng Pháp là “*competence of competence*”, “*compétence de la compétence*”.

¹⁰ Được thông qua bởi Ủy ban của Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) ngày

khởi kiện ra Tòa án, thì Tòa án phải từ chối thẩm quyền trừ trường hợp *thoả thuận trọng tài vô hiệu một cách rõ ràng*. Án lệ của Tòa Pháp án Pháp¹⁶ giải thích một cách rất hạn hẹp trường hợp *thoả thuận trọng tài vô hiệu một cách rõ ràng*. Do vậy, dường như khi có TTTT, nếu có yêu cầu của một bên, Tòa án buộc phải từ chối thụ lý, mà không thực sự đi kiểm tra một cách chi tiết các trường hợp xem TTTT có vô hiệu không. Điều đặc biệt thứ hai được thể hiện ở Điều 1466 của cùng NCPG nêu trên. Theo đó, khi vụ việc đang được xem xét tại trọng tài mà một bên phản đối TQTT, thì chính trọng tài có thẩm quyền xem xét về hiệu lực và giới hạn của thẩm quyền đó. Xuất phát từ các quy định này, cũng như từ thực tiễn án lệ, Tòa án của Pháp không thể can thiệp vào việc xác định TQTT một khi vụ việc đang được trọng tài giải quyết. Tòa án Pháp chỉ có thể đợi đến khi thủ tục trọng tài đã kết thúc, trọng tài đã có phán quyết, mới có thể giám sát TQTT thông qua thủ tục huỷ PQTT¹⁷.

Có thể nói, cách vận dụng nguyên tắc “*thẩm quyền về thẩm quyền*” như trường hợp của Pháp thể hiện cả những điểm tích cực và hạn chế: tích cực vì nó cho phép tôn trọng quyền tự do thoả thuận của các bên, đảm bảo tính độc lập của trọng tài, đồng thời hạn chế việc đương sự lợi dụng sự can thiệp của Tòa án để làm chậm quá trình giải quyết tranh chấp của trọng tài; hạn chế vì nếu Tòa án chỉ được can thiệp để giám sát TQTT khi trọng tài đã có phán quyết cuối cùng cho vụ tranh chấp, thì trong trường hợp Tòa án bác bỏ TQTT vô hình chung cách diễn giải này đã buộc các bên (đặc biệt là bên phản đối TQTT) tiêu tốn một khoảng thời gian, công sức và tiền bạc vô nghĩa vào quá trình tố tụng trọng tài.

Đại đa số các nước chấp nhận và vận dụng nguyên tắc “*thẩm quyền về thẩm quyền*” một cách dung hoà hơn so với những

trường hợp nêu trên. Mặc dù chi tiết có thể có sự khác biệt nhất định, nhưng về tổng thể, pháp luật đại đa số các nước có quy định chung khái quát như sau:

- Nếu vụ việc đã có TTTT được đưa ra Tòa án, thì theo yêu cầu của một bên, Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp TTTT vô hiệu hoặc không thể thực hiện được. Trong trường hợp này, pháp luật các nước cho phép Tòa án xem xét ngay hiệu lực cũng như tính khả thi của TTTT để khẳng định hay từ chối thẩm quyền của mình.

- Nếu trong quá trình trọng tài mà một bên phản đối TQTT, thì chính trọng tài có quyền phán xét về thẩm quyền này. Tòa án sẽ có quyền can thiệp ngay, khi bên không đồng ý với quyết định của trọng tài về thẩm quyền yêu cầu, mà không cần đợi đến khi trọng tài đã có phán quyết cuối cùng về vụ tranh chấp. Tuy nhiên, khi Tòa án đang xem xét, trọng tài không buộc phải dừng quá trình tố tụng của mình.

- Khi trọng tài đã có phán quyết, toà án vẫn có thể xem xét vấn đề TQTT thông qua thủ tục công nhận, hoặc huỷ PQTT.

Cách vận dụng nguyên tắc “*thẩm quyền về thẩm quyền*” của đa số các nước như trên đây được phản ánh trong đa số văn kiện, điều ước quốc tế về trọng tài. Điển hình nhất là Luật mẫu của UNCITRAL về trọng tài, lần lượt tại các điều 8, 16 và 34, tương ứng với ba nội dung nêu trên¹⁸.

II. Xác định thẩm quyền trọng tài và vai trò của Tòa án theo pháp luật Việt Nam

Theo quy định của PLTT hiện hành, việc xác định TQTT có thể được thực hiện trước hoặc sau khi HĐTT được thành lập, hoặc khi HĐTT đã đưa ra phán quyết giải quyết tranh chấp. Theo đó, vai trò của Tòa án được thể hiện ở những cấp độ khác nhau và với những

¹⁶ La Cour de Cassation.

¹⁷ Về các căn cứ huỷ quyết định trọng tài có liên quan đến thẩm quyền trọng tài, xem Điều 1484 Bộ luật Tố tụng Dân sự Pháp.

¹⁸ Bên cạnh việc rất nhiều nước chịu ảnh hưởng, thì tính đến năm 2008, đã có 55 quốc gia (hoặc vùng lãnh thổ) và 6 bang của Hoa Kỳ chấp nhận Luật mẫu của UNCITRAL. Xem: UNCITRAL, *Status of conventions and model laws*, 41st Sess, U.N. Doc. A/CN.9/651 (2008).

thủ tục tố tụng khác nhau. Dự thảo LTT có những thay đổi nhất định, theo hướng tiến gần hơn đến các quy định của Luật mẫu của UNCITRAL và thông lệ quốc tế.

1. Xác định thẩm quyền trọng tài trước khi Hội đồng Trọng tài được thành lập

Điều 5 PLTT quy định: “Trong trường hợp vụ tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài, nếu một bên khởi kiện tại Toà án thì Toà án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu”.

Như vậy, quy định của Điều 5 PLTT đã chấp nhận phương án mà đa số pháp luật trọng tài của các nước sử dụng: cho phép Toà án xem xét cụ thể giá trị, hiệu lực của TTTT để khẳng định hay từ chối thẩm quyền của mình¹⁹. Tuy nhiên, quy định này của Điều 5 PLTT, bao gồm cả các quy định hướng dẫn trong Nghị quyết 05 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (NQ 05)²⁰ cho thấy một số bất cập:

Thứ nhất, về câu hỏi liệu Toà án có thể tự mình (có quyền, hoặc nghĩa vụ đương nhiên), hay cần phải có yêu cầu của một bên đương sự để tuyên từ chối thụ lý khi vụ việc đã có TTTT (?). Theo thông lệ quốc tế, Toà án không có quyền hoặc nghĩa vụ đương nhiên, mà chỉ có thể từ chối thẩm quyền khi có đương sự yêu cầu²¹. Thông lệ này được giải thích bởi nguyên tắc tôn trọng quyền tự do ý chí của các bên: nếu các bên đã có thoả

thuận giải quyết vụ tranh chấp bằng trọng tài (TTTT) thì Toà án phải từ chối thụ lý vụ việc; trường hợp nguyên đơn khởi kiện ra Toà án mà bị đơn không phản đối, thì bằng hành vi tham gia tố tụng tại toà, bị đơn đã thống nhất với nguyên đơn từ bỏ TTTT đã có, chấp nhận thẩm quyền của Toà án. Do vậy, một cách logic, Toà án chỉ có thể từ chối thẩm quyền (nhằm bảo vệ TTTT) khi có yêu cầu của bị đơn.

Khác với thông lệ quốc tế, Điều 5 của PLTT hiện hành không trả lời được câu hỏi này. Nếu theo tinh thần của điểm 1.1 của NQ 05, thì trong trường hợp này Toà án Việt Nam phải chủ động kiểm tra sự tồn tại, hiệu lực TTTT và có nghĩa vụ đương nhiên từ chối thẩm quyền khi vụ việc có TTTT.

Cách quy như trên của PLTT và NQ 05 một mặt không thật hợp logic với nguyên tắc tôn trọng quyền tự do thoả thuận, định đoạt của đương sự như đã phân tích ở trên, mặt khác còn làm tăng trách nhiệm, khối lượng công việc không đáng có cho Toà án: trong mọi trường hợp, nếu có một tranh chấp thương mại được khởi kiện ra Toà án, Toà án đương nhiên phải kiểm tra sự tồn tại của TTTT, và nếu có TTTT thì phải kiểm tra hiệu lực và tính khả thi của thoả thuận đó - những công việc thường rất tiêu tốn thời gian, và không đơn giản. Trong khi, nếu chấp nhận thông lệ quốc tế, khi có đơn khởi kiện, Toà án sẽ đương nhiên thụ lý và chỉ xem xét khả năng từ chối thẩm quyền thông qua việc xác định sự tồn tại của TTTT, cũng như hiệu lực, tính khả thi của nó khi có yêu cầu của một bên đương sự.

Thứ hai, về câu hỏi thời điểm Toà án có thể từ chối thẩm quyền để yêu cầu các bên giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (?). Phương án giải quyết câu hỏi này gắn liền với phương án giải quyết câu hỏi vừa nêu trên. Theo thông lệ quốc tế²², vì chấp nhận phương án Toà án chỉ từ chối thẩm quyền khi có yêu cầu của đương sự, nên việc từ chối thẩm quyền của Toà án chỉ có thể xảy

¹⁹ Trong PLTT hiện hành của Việt Nam, các trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu được quy định tại Điều 10, được giải thích cụ thể tại Nghị quyết 05 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, điểm 1.2.

²⁰ Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số 05/2003/NQ-HĐTP ngày 31/7/2003 hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Trọng tài thương mại.

²¹ Ví dụ: quy định của khoản 1 Điều 8 Luật mẫu của UNCITRAL; khoản 3 Điều 2 Công ước New-York năm 1958 về công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài; Điều 14 Luật Trọng tài của Thái Lan năm 2002; Điều 6 Luật Trọng tài của Singapore năm 2001; Khoản 1 Điều 10 Luật Trọng tài năm 2005 của Malaysia; Điều 1458 NCPC của Pháp; Điều 7 Luật Tư pháp quốc tế của Thụy Sĩ; Điều 1022 Bộ luật Tố tụng Dân sự của Hà Lan...

²² Xem chú thích 18.

ra ngay sau thời điểm bị đơn nộp bản tự bảo vệ cho Tòa án, trước khi Tòa án mở phiên tòa giải quyết nội dung vụ việc. Quá thời điểm này, đương sự mặc nhiên đã từ bỏ TTTT, không còn quyền phản đối thẩm quyền của Tòa án và do vậy, Tòa án cũng không còn quyền từ chối thẩm quyền vì lý do đã có TTTT.

Nếu theo quy định của điểm 1.1, đặc biệt tại đoạn thứ ba của NQ 05 thì do Tòa án có nghĩa vụ đương nhiên xác định sự tồn tại của TTTT cũng như hiệu lực và tính khả thi của nó, dẫn đến thời điểm Tòa án từ chối thẩm quyền có thể xảy ra trước, hoặc sau khi vụ việc được thụ lý. Điểm 1.1 của NQ 05, tại đoạn thứ ba còn quy định trong trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án mới phát hiện được vụ tranh chấp đã có TTTT, thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án, trả lại đơn kiện cho đương sự. Rõ ràng, với quy định này, những điểm bất cập nêu trên còn thể hiện rõ hơn, đặc biệt trong trường hợp quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc được đưa ra khi Tòa án đã bắt đầu xem xét vào nội dung vụ kiện.

Thứ ba, liên quan đến cả hai câu hỏi vừa được đặt ra ở trên, điểm 1.2.b của NQ 05 quy định: mặc dù vụ tranh chấp có TTTT, nhưng vẫn thuộc thẩm quyền của Tòa án trong trường hợp *“khi được nguyên đơn cho biết bằng văn bản sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc khi được Tòa án thông báo về việc nguyên đơn đã nộp đơn kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ tranh chấp mà trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của nguyên đơn hoặc thông báo của Tòa án, bị đơn không phản đối (được coi là các bên đã có thoả thuận mới lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp thay cho thoả thuận trọng tài)...”*

Việc điểm 1.2.b của NQ 05 mặc nhiên coi sự im lặng của bị đơn là *“các bên có thoả thuận mới lựa chọn Tòa án giải quyết vụ tranh chấp thay cho thoả thuận trọng tài”* dường như chưa hợp lý. Về nguyên tắc, khi đã quy định TTTT phải được lập thành văn bản, thì việc thay đổi hay bãi bỏ thoả thuận

đó cũng chỉ có hiệu lực khi được thể hiện bằng văn bản hoặc hành vi tương đương. Sự im lặng, không phản đối của bị đơn trong trường hợp như được quy định trong NQ 05 chưa nên coi là một hành vi pháp lý có giá trị thay thế cho TTTT bằng văn bản hiện có. Phải chăng, chỉ nên coi TTTT bị loại bỏ kể từ khi bị đơn thực hiện các hành vi tố tụng tại Tòa án không với mục đích phản đối thẩm quyền của Tòa án mà để giải quyết vụ tranh chấp. Giải pháp này phù hợp với thông lệ quốc tế như đã được nêu ở trên.

Điều 6 của Dự thảo LTT quy định: *“Trong trường hợp tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài, nếu một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được”*.

Mặc dù quy định thêm trường hợp *“thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được”*, nhưng Điều 6 Dự thảo LTT không mở rộng thêm khả năng Tòa án có quyền thụ lý vụ tranh chấp khi đã có TTTT so với quy định của PLTT hiện hành, bởi theo Điều 10 của PLTT thì *“thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được”* được coi là một trường hợp TTTT vô hiệu. Dự thảo LTT tách trường hợp *“thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được”* khỏi những trường hợp TTTT vô hiệu là hợp lý. Tuy nhiên, Điều 6 của Dự thảo LTT cũng chưa giải quyết được hai câu hỏi đã nêu ra: Tòa án có quyền/nghĩa vụ đương nhiên hay phải có yêu cầu của đương sự mới từ chối thẩm quyền? Việc từ chối thẩm quyền của Tòa án vì đã có TTTT có thể xảy ra vào thời điểm nào? Những quy định khác của Dự thảo LTT dường như cũng không đem lại lời giải đáp thỏa đáng cho hai câu hỏi này.

Từ những phân tích trên, có lẽ sẽ hợp lý, và đơn giản hơn nếu Dự thảo LTT tiếp thu quy định tại điều 8 của Luật mẫu của UNCITRAL, tức là chấp nhận một giải pháp chung, theo thông lệ quốc tế. Theo đó, Điều 6 của Dự thảo LTT (tương đương với Điều 5 của PLTT hiện hành) có thể quy định:

“Trong trường hợp vụ tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài, nếu một bên khởi kiện tại Toà án thì theo yêu cầu của một bên, với điều kiện yêu cầu đó được đưa ra muộn nhất vào thời điểm bên yêu cầu nộp bản tự bảo vệ cho toà án²³, toà án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được”²⁴.

Khoản 6 Điều 53 PLTT hiện hành quy định:

“Trong trường hợp Hội đồng xét xử (Toà án)²⁵ huỷ quyết định trọng tài, nếu không có thoả thuận khác thì các bên có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại Toà án”.

Quy định này được hướng dẫn trong NQ 05 thuộc về trường hợp vụ tranh chấp đã có TTTT, nhưng vẫn thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án²⁶. Về điểm này, cả PLTT và NQ 05 đều tỏ ra không hợp lý, xét trên nhiều phương diện:

Thứ nhất, nếu Toà án huỷ quyết định trọng tài vì lý do không có TTTT hoặc TTTT vô hiệu (bao gồm cả trường hợp TTTT không thể thực hiện được) thì quy định này là không cần thiết, vì thẩm quyền của Toà án đã được quy định ở Điều 5 PLTT như đã thấy ở trên.

Thứ hai, nếu không vì lý do không có TTTT, hoặc TTTT vô hiệu, thì thực chất vụ tranh chấp vẫn chưa được giải quyết, và vì *“các bên không có thoả thuận khác”*, nên TTTT hiện có vẫn cần phải được tôn trọng. Do vậy, vụ tranh chấp phải tiếp tục được giải quyết bằng trọng tài.

Thứ ba, Toà án chỉ có thể xem xét huỷ quyết định trọng tài khi có yêu cầu của một trong các bên, mà trên thực tế yêu cầu này hoàn toàn có thể được đưa ra để bảo vệ TTTT đã có, khi bên yêu cầu cho rằng thoả thuận đó đã không được trọng tài tôn trọng khi giải quyết tranh chấp. Từ đó, sẽ là bất hợp lý nếu Toà án huỷ quyết định trọng tài để bảo vệ TTTT giữa các bên, nhưng sau đó lại đương nhiên loại bỏ thoả thuận đó qua việc thụ lý vụ tranh chấp theo yêu cầu của một bên.

Cố lẽ xuất phát từ cách nhìn nhận như trên mà Dự thảo LTT đã tỏ ra hợp lý khi quy định tại khoản 7 Điều 67 như sau: *“Việc toà án huỷ phán quyết trọng tài thì TTTT vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với vụ tranh chấp”*. Việc không lấy lại quy định của khoản 6 điều 53 PLTT và của NQ 05 trong trường hợp này có thể được nhìn nhận là sự tôn trọng, bảo vệ quyền tự do thoả thuận của các bên trong tố tụng trọng tài, đồng thời có tác dụng giảm thiểu gánh nặng xét xử của Toà án.

2. Xác định thẩm quyền trọng tài sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập

Khi quy định về việc xác định TQTT khi HĐTT đã được thành lập, cả PLTT và Dự thảo LTT đều đã chấp nhận nội dung quan trọng nhất - với cách hiểu phổ biến nhất - của nguyên tắc *“thẩm quyền về thẩm quyền”*, theo đó: nếu có khiếu nại về thẩm quyền của HĐTT, về việc không có TTTT hoặc TTTT vô hiệu thì HĐTT có trách nhiệm xem xét, quyết định²⁷; nếu không đồng ý với quyết định của HĐTT giải quyết khiếu nại, các bên có quyền yêu cầu Toà án xem xét lại quyết định của trọng tài. Quyết định của Toà án trong trường hợp này là cuối cùng²⁸.

Cũng về vấn đề này, có những khác biệt nhất định giữa PLTT và Dự thảo LTT:

PLTT hiện hành không có quy định rõ ràng về thời hạn mà bên có khiếu nại về

²³ Cũng có thể quy định đơn yêu cầu khởi kiện được nộp trước khi Toà án mở phiên toà xem xét nội dung vụ kiện.

²⁴ Việc quy định Toà án chỉ xem xét vấn đề thẩm quyền trọng tài khi có yêu cầu của một bên đương sự như trên, mặt khác cũng phù hợp với khoản 3 Điều 2 Công ước New York ngày 10/6/1958 về Công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài. Việt Nam đã tham gia Công ước này.

²⁵ Chú thích trong ngoặc () là của tác giả.

²⁶ Xem: Điểm 1.2.c, Nghị quyết 05.

²⁷ Khoản 1 Điều 30 PLTT; khoản 1, 2 của Dự thảo LTT.

²⁸ Khoản 2 Điều 30 PLTT; khoản 5, 6, 7, 8 Điều 41 Dự thảo PLTT.

TQTT phải đưa ra khiếu nại đó. Tại Điều 10 của PLTT, có quy định: “*Thời hiệu yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu là sáu tháng, kể từ ngày ký kết thoả thuận trọng tài, nhưng phải trước ngày Hội đồng Trọng tài mở phiên họp đầu tiên giải quyết vụ tranh chấp quy định tại Điều 30 của Pháp lệnh này*”. Thực tế, phản đối về thẩm quyền của trọng tài có thể có nhiều dạng: vụ tranh chấp không có TTTT; TTTT vô hiệu; trọng tài không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các thoả thuận trong TTTT. Điều khoản trên đây mới chỉ đề cập đến một trường hợp trong đó. Hơn nữa, theo khoản 2 điểm c Điều 24 PLTT thì “*nếu bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài, không có TTTT hoặc TTTT vô hiệu thì có quyền nêu ra trong bản tự bảo vệ*”²⁹.

Về điểm này, Dự thảo LTT quy định “*Nếu bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền trọng tài, không có thoả thuận trọng tài hoặc thoả thuận trọng tài vô hiệu thì phải nêu điều đó trong bản tự bảo vệ*”³⁰. Cụ thể hơn, khoản 3 Điều 41 của Dự thảo LTT còn quy định khiếu nại trong trường hợp này “*phải được nộp trước hoặc muộn nhất là cùng với bản tự bảo vệ*”³¹. Quá thời hạn nêu trên, nếu bị đơn không đưa ra khiếu nại về thẩm quyền của trọng tài thì về nguyên tắc, bị đơn đã khước từ quyền khiếu nại của mình³².

Theo Điều 24 và Điều 30, PLTT chỉ đề cập đến trường hợp khiếu nại về TQTT được đưa ra và giải quyết trước khi HĐTT xem xét nội dung vụ tranh chấp. Dự thảo LTT đã thực tế hơn khi quy định cả quyền khiếu nại của mỗi bên khi HĐTT đang giải quyết vụ tranh

chấp, khi bên đó cho rằng trọng tài vượt quá thẩm quyền³³. Trong trường hợp này Dự thảo LTT quy định rõ “*các bên có nghĩa vụ phải khiếu nại ngay khi phát hiện sự kiện được cho là vượt quá thẩm quyền*”.

Đặc biệt, cũng liên quan đến phạm vi chấp nhận nguyên tắc “*thẩm quyền về thẩm quyền*”, Dự thảo LTT còn quy định thêm hai nội dung quan trọng mà PLTT hiện hành không quy định: *thứ nhất*, việc mỗi bên lựa chọn trọng tài viên tham gia vào việc thành lập HĐTT không làm mất quyền của bên đó phản đối thẩm quyền của HĐTT³⁴; *thứ hai*, trong khi Toà án đang xem xét khiếu nại về TQTT thì trọng tài vẫn có thể tiếp tục giải quyết tranh chấp³⁵.

Theo thông lệ quốc tế - được thể hiện qua quy định trong Luật mẫu của UNCITRAL - nếu có khiếu nại về TQTT trước khi trọng tài bắt đầu xem xét nội dung vụ tranh chấp, thì trọng tài có hai khả năng:

- Hoặc giải quyết khiếu nại này bằng một quyết định riêng, trước khi đi giải quyết nội dung vụ tranh chấp. Trong trường hợp này, bên tranh chấp không đồng ý với quyết định của trọng tài cho rằng trọng tài có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án xem xét lại quyết định đó với một thời hạn nhất định ngay trong quá trình tố tụng trọng tài³⁶;

- Hoặc trọng tài có thể giải quyết khiếu nại về thẩm quyền đồng thời với việc giải quyết nội dung vụ tranh chấp (chẳng hạn, khi trọng tài cho rằng hai vấn đề có liên quan mật thiết với nhau). Trong trường hợp này, bên không đồng ý với PQT (về phần

²⁹ Khoản 4 Điều 41 Dự thảo LTT.

³⁰ Khoản 3 Điều 41 Dự thảo LTT.

²⁹ Chữ gạch chân do tác giả nhấn mạnh.

³⁰ Khoản 4 Điều 24 Dự thảo LTT, khoản 1 Điều 10 của bản Quy tắc Tố tụng Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) hiện hành đã quy định theo hướng này.

³¹ Theo khoản 1 Điều 34 Dự thảo LTT, bản tự bảo vệ phải được bị đơn nộp cho trọng tài trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn kiện và các tài liệu kèm theo.

³² Xem Điều 69 Dự thảo LTT.

³⁵ Khoản 10 Điều 41 Dự thảo LTT, khoản 2 Điều 21 của bản Quy tắc Tố tụng Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) hiện hành đã quy định theo hướng này.

³⁶ Theo khoản 3 Điều 16 của Luật mẫu của UNCITRAL, quyền yêu cầu Toà án trong trường hợp này chỉ được thực hiện khi trọng tài quyết định rằng trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, và với thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thông báo về quyết định của trọng tài.

TQTT) chỉ có thể phản đối phán quyết đó bằng cách yêu cầu Tòa án tuyên huỷ PQTT, sau khi tố tụng trọng tài đã kết thúc³⁷.

Khác với thông lệ trên, PLTT hiện hành và Dự thảo LTT đều quy định trong trường hợp này, HĐTT phải xem xét, quyết định trước khi đi vào giải quyết nội dung vụ tranh chấp³⁸. Nếu không đồng ý với quyết định của trọng tài, thì trong thời hạn 15 ngày, bên không đồng ý với quyết định của HĐTT có quyền yêu cầu Tòa án xem xét lại quyết định đó. Quyền yêu cầu Tòa án xem xét lại quyết định trọng tài, theo PLTT và Dự thảo LTT, được thực hiện trong cả trường hợp trọng tài quyết định trọng tài có thẩm quyền hoặc trọng tài không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

3. Xác định thẩm quyền của trọng tài khi đã có phán quyết của trọng tài

Sau khi trọng tài đã có phán quyết giải quyết tranh chấp, TQTT vẫn có thể bị xem xét bởi Tòa án, hoặc thông qua thủ tục huỷ PQTT (đối với trọng tài trong nước), hoặc thông qua thủ tục công nhận và thi hành PQTT nước ngoài (đối với PQTT nước ngoài)³⁹. Về mặt bản chất, đây được coi là hoạt động giám sát của nhà nước – thông qua Tòa án - đối với PQTT.

Điều 34 của Luật mẫu của UNCITRAL, phân các căn cứ huỷ PQTT (bao gồm cả các căn cứ liên quan đến TQTT) thành 2 nhóm⁴⁰. Đối với nhóm căn cứ thứ nhất⁴¹, bên yêu cầu huỷ PQTT phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh. Đối với nhóm

căn cứ thứ hai⁴², trên cơ sở yêu cầu của bên yêu cầu, Tòa án xem xét và quyết định. Điều 34 của Luật mẫu hiện được đại đa số các nước chấp nhận⁴³.

Khác với giải pháp trong Luật mẫu của UNCITRAL, cả PLTT hiện hành và Dự thảo LTT không phân biệt các căn cứ huỷ PQTT theo cách trên⁴⁴. Để Tòa án có thể huỷ PQTT, theo PLTT và Dự thảo LTT, bên yêu cầu trong mọi trường hợp đều phải chứng minh⁴⁵. Với cách quy định này, trong quá trình giám sát nhà nước đối với PQTT, thì PLTT và Dự thảo LTT có xu hướng tăng trách nhiệm cho bên đương sự có yêu cầu huỷ PQTT, đồng thời giảm nghĩa vụ, vai trò của Tòa án. Thiết nghĩ, nếu PQTT được tuyên trong trường hợp vụ tranh chấp không thuộc lĩnh vực trọng tài, hoặc PQTT trái với trật tự công cộng⁴⁶ hay các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam⁴⁷ (hai trường hợp mà Luật mẫu của UNCITRAL nêu trong nhóm thứ hai thuộc Điều 34), thì việc quy định Tòa án xem xét, quyết định mà không buộc bên có yêu cầu phải chứng minh là hợp lý hơn. Giải pháp tương tự dường như đã được Bộ luật Tố tụng Dân sự Việt Nam hiện hành thừa nhận, tại khoản 2 Điều 370 khi quy định về những trường hợp không công nhận quyết định của trọng tài nước ngoài.

Như đã phân tích ở phần trước (xác định TQTT trong quá trình tố tụng trọng tài), PLTT hiện hành không có quy định cụ thể về thời hạn bên phản đối TQTT phải đưa ra khiếu nại. Sự “*bỏ trống*” này dẫn đến trường hợp chỉ đến khi đã có PQTT, bên không đồng ý với PQTT mới đưa ra phản đối về

³⁷ Xem: khoản 3 Điều 16 Luật mẫu của UNCITRAL.

³⁸ Điều 30 PLTT và Điều 41 Dự thảo LTT.

³⁹ Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ đề cập việc xác định TQTT trong trường hợp thứ nhất, đối với các phán quyết trọng tài trong nước.

⁴⁰ Về cơ bản, các căn cứ huỷ PQTT tại Điều 34 Luật mẫu giống với các căn cứ quy định tại Điều 36 của cùng Luật mẫu trong trường hợp từ chối công nhận PQTT và các căn cứ quy định tại 5 Công ước New-York trong trường hợp từ chối công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài, kể cả việc được phân chia thành hai nhóm.

⁴¹ Bao gồm 4 trường hợp, quy định tại điểm a.i), a.ii), a.iii), a.iv) khoản 2 Điều 34.

⁴² Bao gồm 2 trường hợp, quy định tại điểm b.i) và b.ii), khoản 2 Điều 34.

⁴³ Xem chú thích số 18.

⁴⁴ Về cơ bản, các căn cứ để huỷ quyết định trọng tài trong PLTT (Điều 54) và trong Dự thảo LTT (Điều 64) là giống nhau, trừ căn cứ “*trọng tài viên vi phạm nghĩa vụ của trọng tài viên*”, được quy định tại khoản 5 Điều 54 PLTT đã bị Dự thảo LTT loại bỏ.

⁴⁵ Xem đoạn đầu của Điều 54 PLTT, và Điều 64 Dự thảo LTT.

⁴⁶ Theo cách quy định của PLTT.

⁴⁷ Theo cách quy định của Dự thảo LTT.

TQTT thông qua yêu cầu huỷ PQTT theo quy định tại Điều 53, 54 PLTT. Điều này có lẽ là một sự “*dễ dãi*” đối với bên phản đối PQTT, chưa đảm bảo được tính an toàn và mức độ tin tưởng cần thiết đối với tố tụng trọng tài, có thể tạo thêm công việc không đáng có cho Toà án, hơn nữa không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Dự thảo LTT đã có những cơ chế để hạn chế những bất cập nêu trên. Bằng việc quy định khiếu nại về TQTT phải được đưa ra với thời hạn phù hợp trong quá trình tố tụng trọng tài, bằng việc ghi nhận nguyên tắc “*khước từ quyền khiếu nại*”⁴⁸, Dự thảo LTT đã từ chối khả năng bên khiếu nại TQTT yêu cầu Toà án huỷ PQTT nếu trong quá trình tố tụng trọng tài bên đó đã không đưa ra khiếu nại đó. Giải pháp này của Dự thảo LTT là phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của Luật mẫu của UNCITRAL⁴⁹.

Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề này, khoản 3 Điều 64 Dự thảo LTT quy định Toà án huỷ PQTT khi:

*“Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài; trong trường hợp phán quyết trọng tài có một phần không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài thì phần phán quyết này bị huỷ; trừ trường hợp Toà án đã tuyên quyết định vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài theo quy định tại khoản 9 Điều 41 của Luật này”*⁵⁰.

Việc Dự thảo LTT dùng cụm từ “*Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài*” (giống như được sử dụng trong PLTT hiện hành) trong bối cảnh này là chưa hợp lý. Nếu cụm từ này nhằm diễn đạt trường hợp HĐTT xét xử vụ tranh chấp mà

các bên không yêu cầu trong TTTT, thì tình huống này đã được dự liệu ở điều khoản khác (không có TTTT hoặc TTTT vô hiệu). Loại trừ tình huống này, thì chỉ còn một khả năng là vụ tranh chấp có TTTT, nhưng HĐTT đã xét xử vượt quá yêu cầu của các bên. Do vậy để bao quát cả hai tình huống nêu trên, và tránh trùng lặp, Dự thảo LTT cần đi theo hướng quy định như trong Luật mẫu của UNCITRAL⁵¹, tương đương với điểm d khoản 1 Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mặt khác, việc quy định Toà án từ chối huỷ PQTT (trong trường hợp bên yêu cầu cho rằng HĐTT không có thẩm quyền) vì TQTT đã được khẳng định trong trường hợp ở khoản 9 Điều 41 như trên (xem phần in đậm) cũng chưa hợp lý, thể hiện ở nhiều điểm:

Thứ nhất, khoản 9 Điều 41 của Dự thảo LTT không chỉ đề cập đến trường hợp vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của HĐTT mà còn cả trường hợp không có TTTT và trường hợp TTTT vô hiệu. Đoạn in đậm (mới so với PLTT hiện hành) nêu trên của Dự thảo LTT mới chỉ đề cập đến trường hợp thứ nhất. Vậy, nếu theo Điều 41, Toà án quyết định vụ tranh chấp có TTTT, hoặc TTTT không bị vô hiệu thì liệu bên phản đối TQTT còn có quyền yêu cầu và Toà án có phải xem xét lại quyết định đó trong thủ tục huỷ PQTT theo Điều 64 nữa hay không? Theo quy định của Điều 64 của Dự thảo LTT thì câu trả lời là khẳng định. Hệ quả không logic của câu trả lời này là: trong quá trình tố tụng trọng tài, nếu Toà án đã quyết định vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền của HĐTT thì trong quá trình xem xét huỷ PQTT, Toà án sẽ không xem xét lại quyết định đó, trong khi, nếu Toà án cho rằng vụ tranh chấp có TTTT hoặc TTTT không vô hiệu thì quyết định này lại vẫn có thể bị xem xét lại ở thủ tục huỷ PQTT.

Thứ hai, bản chất và cơ chế tố tụng của thủ tục xem xét TQTT trong quá trình tố

⁴⁸ Điều 69 Dự thảo LTT.

⁴⁹ Xem: *Analytical commentary on draft text of a model law on international commercial arbitration: report of the Secretary General*, UN. Doc. A/CN.9/264, in *Yearbook of the United Nations Commission on International Trade Law*, 1985, Vol. XVI, pp.105-140.

⁵⁰ Phần in đậm là phần quy định mới của Dự thảo LTT so với PLTT hiện hành.

⁵¹ Xem điểm iii, mục a) khoản 2 Điều 34 Luật mẫu của UNCITRAL.

tung trọng tài và trong quá trình xem xét huỷ PQTT của Toà án là khác nhau. Trong trường hợp thứ nhất, sự can thiệp của Toà án là gần như tức thì, bằng một thủ tục tố tụng đơn giản (chỉ với một thẩm phán được chỉ định) và quyết định của Toà án có hiệu lực tức thì. Trong trường hợp thứ hai, thủ tục xem xét huỷ PQTT đòi hỏi chặt chẽ hơn, thể hiện ở thành phần Hội đồng xét xử và quy trình tố tụng, đặc biệt là quyết định của Toà án trong trường hợp này có thể bị kháng cáo. Từ đó, sẽ là không hợp lý, nếu vấn đề TQTT đã được Toà án khẳng định trong quá trình tố tụng trọng tài (Điều 41 Dự thảo LTT) thì sẽ không được Toà án xem xét lại tại thủ tục huỷ PQTT sau này (khoản 3 Điều 64 Dự thảo LTT).

Thứ ba, như đã phân tích ở trên, Dự thảo LTT đã chấp nhận quy định của Luật mẫu UNCITRAL và thông lệ quốc tế khi quy định về nghĩa vụ của bên phản đối TQTT phải đưa ra phản đối đó hoặc chậm nhất vào thời điểm trước khi HĐTT xem xét nội dung vụ việc, hoặc ngay khi phát hiện việc trọng tài vượt quá thẩm quyền. Nếu không thực hiện quy định này, bên đương sự mặc nhiên không còn quyền phản đối TQTT tại các bước tố tụng sau đó, bao gồm cả trong bước tố tụng yêu cầu huỷ PQTT⁵². Tuy nhiên, theo quy định của Dự thảo LTT thì trong quá trình tố tụng trọng tài, nếu có phản đối về TQTT, thì HĐTT phải xem xét ngay; nếu bên phản đối quyết định của trọng tài yêu cầu thì Toà án phải xem xét và quyết định ngay. Kết hợp các quy định này với quy định tại khoản 3 Điều 64 nêu trên của Dự thảo LTT thì vô hình chung, vấn đề vụ tranh chấp có thuộc TQTT hay không sẽ không bao giờ có thể được đặt ra trong thủ tục xem xét huỷ PQTT, vì: hoặc các bên đã khước từ quyền yêu cầu; hoặc Toà án đã quyết định vụ việc thuộc TQTT trong quá trình tố tụng trọng tài.

Từ tất cả những phân tích nêu trên, cộng với những lý do khác (không thuộc phạm vi của bài viết bàn về vấn đề xác định TQTT và

vai trò của Toà án), để phù hợp với quy định của Luật mẫu của UNCITRAL và thông lệ quốc tế, cũng như tương thích với Điều 370 của Bộ luật Tố tụng Dân sự hiện hành, sẽ là hợp lý nếu Điều 64 của Dự thảo LTT quy định theo hướng như sau:

“Điều 64. Căn cứ huỷ phán quyết trọng tài

Toà án ra quyết định huỷ phán quyết trọng tài nếu:

1. Bên yêu cầu chứng minh được Hội đồng Trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Các bên ký kết thoả thuận trọng tài không có năng lực để ký kết thoả thuận đó;

b. Thoả thuận trọng tài không có giá trị pháp lý;

c. Bên yêu cầu không được thông báo kịp thời và hợp thức về việc chỉ định trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại trọng tài, hoặc vì nguyên nhân chính đáng khác mà không thực hiện được quyền tố tụng của mình;

d. Phán quyết trọng tài được tuyên về một vụ tranh chấp không được các bên yêu cầu giải quyết hoặc vượt quá yêu cầu của các bên ký kết thoả thuận trọng tài. Trong trường hợp có thể tách được phần phán quyết về vấn đề đã được yêu cầu và phần phán quyết về vấn đề không được yêu cầu giải quyết tại trọng tài thì chỉ phần phán quyết về vấn đề vượt quá yêu cầu bị huỷ.

e. Thành phần của Hội đồng Trọng tài, thủ tục giải quyết tranh chấp của trọng tài không phù hợp với thoả thuận trọng tài, hoặc trái với các quy định của Luật này.

2. Toà án xét thấy:

a. Vụ tranh chấp không được giải quyết theo thể thức trọng tài theo quy định của pháp luật.

b. Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

(Xem tiếp trang 74)

⁵² Xem Điều 69 Dự thảo LTT.

+ Công tác xuất bản, phổ biến nội dung các công ước quốc tế ngày càng được hoàn thiện và nâng cao.

4.2. Những mặt tồn tại

Vẫn còn có một số tồn tại trong lĩnh vực vận tải biển, chủ yếu là các vấn đề có liên quan đến bảo vệ môi trường biển, cụ thể là:

+ Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý bảo vệ môi trường biển chưa chặt chẽ và thiếu đồng bộ. Chưa có sự phân công khoa học. Nhiều điều ước quốc tế còn không có cơ quan đầu mối thực hiện, xây dựng báo cáo hàng năm, chẳng hạn như Công ước Luật Biển năm 1982.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị trong việc thực thi và kiểm tra việc thực thi các quy định quốc tế và quốc gia về bảo vệ môi trường biển còn thiếu. Hầu hết các cảng biển, nơi trung chuyển hàng hoá trên biển thiếu các trang thiết bị tiếp nhận chất thải lỏng, nước ballast... dẫn đến việc quản lý chất thải lỏng, dầu ở bờ biển còn thả nổi. Thiếu các trang thiết bị kiểm tra nồng độ dầu, chất độc hại, thiếu hệ thống quan trắc

biển, không kịp thời phát hiện và xác định nguyên nhân ô nhiễm, nguồn ô nhiễm như biển cố dầu tràn tại các vùng ven biển từ Hà Tĩnh đến Cà Mau năm 2007.

+ Kế hoạch ứng cứu tràn dầu khu vực và quốc gia chưa cụ thể, còn có lúng túng trong ứng cứu tràn dầu khi có các vụ ô nhiễm lớn.

+ Thiếu nguồn nhân lực có kiến thức, kinh nghiệm về giải quyết các vụ tràn dầu ở Việt Nam dẫn đến vụ đòi bồi thường nào cũng gặp khó khăn.

Để khắc phục các thiếu sót trên Việt Nam cần sớm kiện toàn tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam vừa thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 8/2008, đưa các vấn đề xây dựng kế hoạch, phòng chống, xử lý và bồi thường ô nhiễm môi trường biển do dầu về một mối, nghiên cứu tham gia một số công ước có liên quan, tập trung xây dựng các văn bản pháp luật chuyên ngành, nhất là Luật Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, sớm có cơ chế phối hợp với các lực lượng tìm kiếm cứu nạn nước ngoài trong các vụ ô nhiễm dầu xuyên biên giới.

(Tiếp theo trang 44 - Xác định thẩm quyền của ...)

Kết luận

Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp tư, thể hiện nhiều ưu thế trong nền kinh tế thị trường. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài trước hết phải thể hiện được sự tự nguyện thoả thuận của các bên, nhưng đồng thời được giới hạn bởi pháp luật. Từ đó, trong việc xác định TQTT phải đảm bảo hài hoà giữa vai trò của bản thân trọng tài theo nguyên tắc "*thẩm quyền về thẩm quyền*" và vai trò của Tòa án với mục đích hỗ trợ, giám sát trọng tài. Xử lý tốt mối quan hệ giữa Trọng tài với Tòa án trong việc xác định TQTT có tác dụng phát huy các lợi thế của trọng tài, tôn trọng quyền tự

do ý chí của các bên, đồng thời đảm bảo vai trò giám sát của Tòa án trong tất cả các giai đoạn trước, trong và sau tố tụng trọng tài.

Việc hoàn thiện các quy định của PLTT hiện hành, theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng bộ với các quy định hiện hành của Pháp luật về trọng tài là cần thiết. Đặt trong bối cảnh đó, Dự thảo LTT hiện đang được xem xét đã có những bước tiến đáng trân trọng so với PLTT. Bài viết đã đi theo hướng ủng hộ các điểm tiến bộ này của Dự thảo, đồng thời có những kiến nghị, đóng góp cụ thể với mong muốn hoàn thiện pháp luật về trọng tài của Việt Nam trong tương lai.